



日生日本語学園名古屋

ニッセイニッポンゴガクエンナゴヤ

NAGOYA NISSEI JAPANESE LANGUAGE SCHOOL

NAGOYA NISSEI JAPANESE LANGUAGE SCHOOL
Study Abroad Guidance - Apr. 2018
HỌC VIỆN NHẬT NGỮ NISSEI NAGOYA (Khóa học đầu tiên 4/2018)



教育目的 Mục đích giảng dạy

留学生が日本社会の中でつながりを持ちながら
自らの力でキャリアを形成するために必要な力
を育てる

Giảng dạy các kỹ năng phát triển cần thiết để các bạn du học sinh có thể kết nối các mối quan hệ trong xã hội Nhật Bản.

教育目標 Mục tiêu giảng dạy

①つながる力 ②まなぶ力 ③ことばの力 を育てる

(1) Khả năng kết nối

(2) Khả năng học tập

(3) Phát triển đực sức mạnh ngôn ngữ



理事長 メッセージ

LỜI NGỎ TỪ THẦY CHỦ TỊCH

私達、スタッフ一同は当学園での学校生活を通じて、日本語の習得はもちろん、学生の皆様が体験される日本での暮らしを精一杯のおもてなしの心をもってサポートいたします。そして当学園で培った経験を活かして、日本社会、ひいては世界で活躍する人材として羽ばたいていくことを願っております。学習環境をしっかりと整え、日本文化を楽しむレクリエーションも多様に取り揃えております。

名古屋で有意義な学校生活をともに過ごしましょう。

Trường Nhật ngữ Nissei Nagoya chúng tôi sẽ hỗ trợ những gì tốt nhất, để học sinh không chỉ học Tiếng Nhật thật tốt, mà còn có được những trải nghiệm tuyệt vời trong thời gian học tập tại Nhật.

Chúng tôi mong rằng với những kinh nghiệm được bồi dưỡng đó, sẽ là hành trang cho các em trưởng thành và chủ động, tự tin bước ra thế giới. Với môi trường học tập được trang bị đầy đủ, hiện đại và có sự tập hợp đa dạng, sáng tạo của nền văn hóa Nhật Bản, mong các em sẽ có khoảng thời gian du học thật nhiều ý nghĩa ở Nagoya.



理事長 金田 橋宗
Chủ tịch: Kaneda Hashimune

学校概要

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ TRƯỜNG



【設置者】株式会社秀栄 (SYUEI Co., Ltd)

【種別】株式会社

【創立】1992年7月 (July 1992)

【URL】<https://www.syuei-group.co.jp/top-syuei/>

【名称】日生日本語学園名古屋

【英語表記】Nagoya Nissei Japanese Language School

【所在地】愛知県名古屋市東区出来町3丁目19番地1

3-19-1, Deki-machi, Higashi-ku, Nagoya-shi, Aichi, 4610032 JAPAN

【TEL】052-721-5577 (+84 52-721-5577)

【URL】<https://nissei-nagoya.jp/>

【開校日】2018年4月 (April 2018)

【定員】360名 (2025.1.1現在) (360 (as of January 1, 2025))

【理事長】金田 橋宗 (Hashimune Kaneda)

【校長】湯浅 千秋 (Chiaki Yuasa)

【教務主任】柳澤 早恵 (Sae Yanagisawa)

アクセス Phương thức đi lại

JR中央線大曾根駅南口より、徒歩13分。出来町通り
最寄のバス停「徳川園新出来」または「古出来町」より徒歩5分

Từ trường đến công phía Nam ga Ozone tuyến JR Chuo, đi bộ khoảng 13 phút, đến 2 trạm xe
buz gần nhất là
“Tokugawaen-Shindeki” và “Kodeki-Machi”



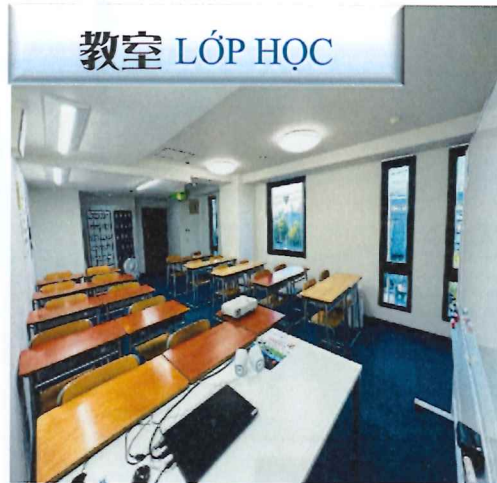
施設

CƠ SỞ TRANG THIẾT BỊ

校舎 TRƯỜNG HỌC



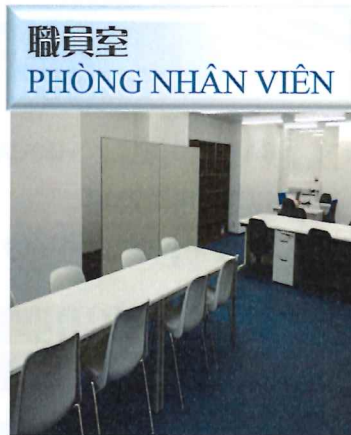
教室 LỚP HỌC



教室 LỚP HỌC



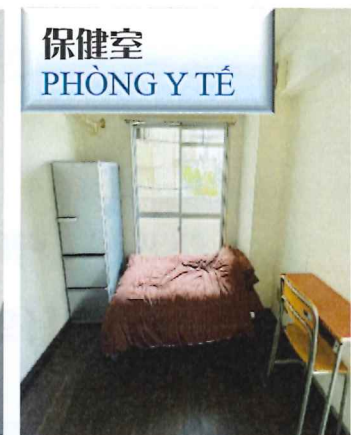
職員室
PHÒNG NHÂN VIÊN



図書室
THƯ VIỆN



保健室
PHÒNG Y TẾ



日本留学

DU HỌC NHẬT BẢN

日本留学の目標をたてる

Lập kế hoạch mục tiêu Du học nhật bản

日本語を学ぶ
Học tiếng nhật

高等教育
Học cấp 3

就職
Tìm việc

日本語学校
Trường tiếng nhật

大学
Đại Học

短期大学
Cao Đẳng

専門学校
Trường nghề

日本の会社で働く

Làm việc tại các công ty của Nhật
【技術・人文知識・国際業務】
Kỹ sư・Tri thức nhân văn・Nghị vụ quốc tế

【特定技能】

Kỹ năng đặc định

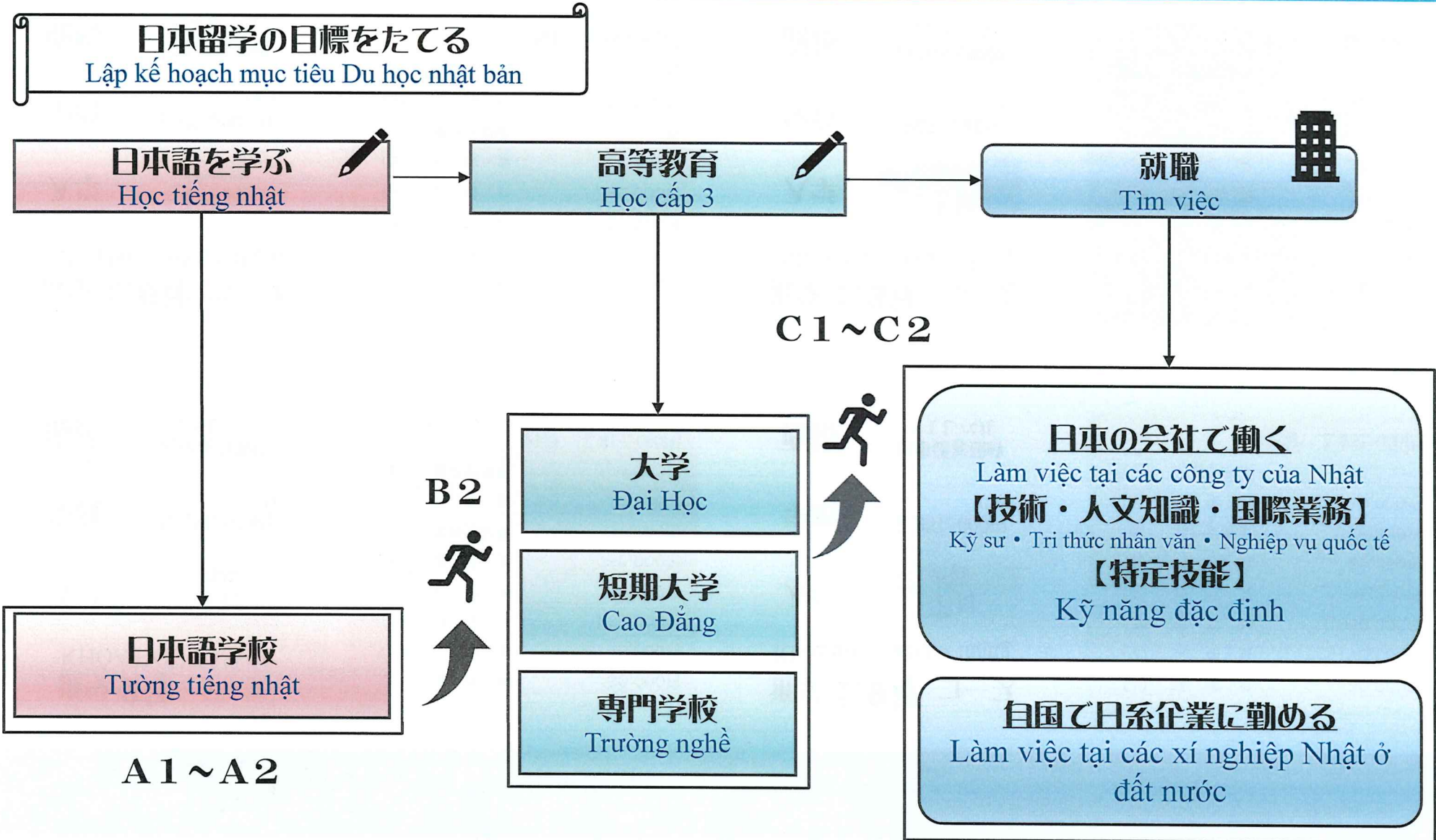
自国で日系企業に勤める

Làm việc tại các xí nghiệp Nhật ở
đất nước

A1~A2

B2

C1~C2



コース紹介

GIỚI THIỆU KHÓA HỌC

進学2年 コース KHÓA HỌC 2 NĂM

入学

4月
APRIL

学費

1,414,000円
(YEN)

面接

日本語参照枠
A1レベル

| | |
|-----------|------------|
| (1) 選考料 | 30,000円 |
| (2) 入学金 | 70,000円 |
| (3) 授業料 | 1,200,000円 |
| (4) 教材費 | 40,000円 |
| (5) 施設費 | 30,000円 |
| (6) 課外活動費 | 30,000円 |
| (7) 保険料 | 10,000円 |
| (8) 健康管理費 | 4,000円 |

合計 1,414,000円

進学1.9年 コース Khóa học 1 năm 9 tháng

入学

7月
JULY

学費

1,251,000円
(YEN)

面接

日本語参照枠
A1レベル

| | |
|-----------|------------|
| (1) 選考料 | 30,000円 |
| (2) 入学金 | 70,000円 |
| (3) 授業料 | 1,050,000円 |
| (4) 教材費 | 35,000円 |
| (5) 施設費 | 26,250円 |
| (6) 課外活動費 | 26,250円 |
| (7) 保険料 | 10,000円 |
| (8) 健康管理費 | 3,500円 |

合計 1,251,000円

進学1.6年 コース Khóa học 1 năm 6 tháng

入学

10月
OCTOBER

学費

1,088,000円
(YEN)

面接

日本語参照枠
A2レベル

| | |
|-----------|----------|
| (1) 選考料 | 30,000円 |
| (2) 入学金 | 70,000円 |
| (3) 授業料 | 900,000円 |
| (4) 教材費 | 30,000円 |
| (5) 施設費 | 22,500円 |
| (6) 課外活動費 | 22,500円 |
| (7) 保険料 | 10,000円 |
| (8) 健康管理費 | 3,000円 |

合計 1,088,000円

進学1.3年 コース Khóa học 1 năm 3 tháng

入学

1月
JANUARY

学費

925,000円
(YEN)

面接

日本語参照枠
A2レベル

| | |
|-----------|----------|
| (1) 選考料 | 30,000円 |
| (2) 入学金 | 70,000円 |
| (3) 授業料 | 750,000円 |
| (4) 教材費 | 25,000円 |
| (5) 施設費 | 18,750円 |
| (6) 課外活動費 | 18,750円 |
| (7) 保険料 | 10,000円 |
| (8) 健康管理費 | 2,500円 |

合計 925,000円

※学費はすべて税抜き表示です(別途消費税がかかります)
Học phí có tất cả chưa bao gồm phí thuế(Có thuế phí riêng biệt).

※返還規定はHP「返還規定」をご参照ください
Các chính sách hoàn trả, vui lòng tham khảo trên trang HP của trường

奨学金・報奨金 制度

Các chế độ học bổng・tiền thưởng



皆勤賞 (3万円)

Thưởng đi học chuyên cần (3 vạn yên)

- ▶ 入学～卒業まで無遅刻&無欠席の学生(1万)
Các bạn không nghỉ học không đi trễ từ lúc nhập học đến lúc tốt nghiệp (1 Vạn yên)
- ▶ 1年次・無遅刻&無欠席の学生(1万) Các bạn học sinh không nghỉ học・không đi trễ trong năm đầu
(4月・7月期生対象) (áp dụng cho học sinh kỳ tháng 7・tháng 10)
- ▶ 2年次(前期)・無遅刻&無欠席の学生(5千)
Với các bạn năm thứ 2 (kỳ đầu) không nghỉ học・không đi trễ (5 nghìn Yên)
- ▶ 2年次(後期)・無遅刻&無欠席の学生(5千)
Với các bạn năm thứ 2(cuối kỳ) không nghỉ học・không đi trễ (5 nghìn yên)



優秀賞 N1 (2万円)

Phần thưởng cho các bạn xuất sắc đồ N1 (2 vạn yên)

- ▶ JLPT N1合格者
Bạn đỗ JLPT N1



優秀賞 N2 (1万円)

Phần thưởng cho các bạn xuất sắc đồ N2 (1 vạn yên)

- ▶ JLPT N2合格者
Bạn đỗ JLPT N2



各団体の奨学金 (JASSO、その他)

Học bổng do các đoàn thể (Học bổng JASSO và các học bổng khác)

- ▶ 出席率、成績、授業態度、生活態度等をもとに選出
Học bổng này sẽ được tuyển chọn dựa trên tỷ lệ đi học, thành tích học tập, thái độ học tập, tập quán sinh hoạt...

年間カレンダー

Annual Calendar

4月

5月

6月

- 入学式(4月期生)
- オリエンテーション(新入生)
- 警察安全講習(新入生)
- 防災講習(新入生)
- 健康診断
- 春の校外学習(遠足)
- 前期・中間試験
- J L P T対策
- 進路ガイダンス(2年次)
- オープンキャンパス(2年次)
- 校内説明会(2年次)
- ★ G W休暇(4月下旬~5月上旬) 🗓️

- Lễ nhập học (học sinh kỳ tháng 4)
- Hướng dẫn ban đầu (dành cho học sinh mới)
- Hướng dẫn an toàn từ cảnh sát(dành cho học sinh mới)
- Buổi hướng dẫn phòng chống thiên tai(dành cho học sinh mới)
- Kiểm tra sức khỏe
- Buổi học tập ngoài trường vào mùa xuân (đã ngoại mùa xuân)
- Thi đầu kỳ và giữa kỳ
- Luyện thi JLPT
- Hướng dẫn học lên(năm thứ 2)
- Thăm quan trường học lên(năm thứ 2)
- Buổi giới thiệu học lên tại trường (năm thứ 2)
- ★ Tuần lễ vàng(Cuối tháng 4- đầu tháng 5) 🗓️

7月

8月

9月

- 入学式(7月期生)
- オリエンテーション(新入生)
- 警察安全講習(新入生)
- 健康診断(新入生)
- 防災講習
- 文化体験(浴衣体験)(1年次)
- 文化体験(社会見学)(2年次)
- マナー講習(2年次)
- 面接練習(2年次)
- 小論文対策(2年次)
- 前期・期末試験
- J L P T試験
- ★ 夏休み(7月下旬~8月中旬) 🗓️

- Lễ nhập học (học sinh kỳ tháng 7)
- Hướng dẫn ban đầu (dành cho học sinh mới)
- Hướng dẫn an toàn từ cảnh sát(dành cho học sinh mới)
- Kiểm tra sức khỏe (dành cho học sinh mới)
- Buổi hướng dẫn phòng chống thiên tai
- Trải nghiệm văn hóa(trải nghiệm mặc yukata) (năm thứ 1)
- Trải nghiệm văn hóa (trải nghiệm thực tế xa hội) (năm thứ 2)
- Buổi học văn hóa tập quán (năm thứ 2)
- Luyện tập phỏng vấn(năm thứ 2)
- Hướng dẫn viết luận văn(năm thứ 2)
- Thi đầu kỳ và cuối kỳ
- Thi JLPT
- ★ Kỳ nghỉ hè (cuối tháng 7~ giữa tháng 8) 🗓️

10月

11月

12月

- 入学式(10月期生)
- オリエンテーション(新入生)
- 警察安全講習(新入生)
- 健康診断(新入生)
- 防災講習
- 秋の校外学習(遠足)
- ビザ更新説明会(1年次)
- 後期・中間試験
- J L P T対策
- J L P T試験
- ★ 秋休み(10月) 🗓️
- ★ 冬休み(12月下旬~1月初旬) 🗓️

- Lễ nhập học (học sinh kỳ tháng 10)
- Hướng dẫn ban đầu (dành cho học sinh mới)
- Hướng dẫn an toàn từ cảnh sát (dành cho học sinh mới)
- Kiểm tra sức khỏe(dành cho học sinh mới)
- Buổi học hướng dẫn phòng chống thiên tai
- Buổi học ngoài trường vào mùa thu (đã ngoại mùa thu)
- Hướng dẫn giải thích thay đổi visa(dành cho học sinh năm 1)
- Thi học kỳ 2 và giữa kỳ
- Luyện thi JLPT
- Thi JLPT
- ★ Nghỉ thu (tháng 10) 🗓️
- ★ Nghỉ đông (cuối tháng 12~đầu tháng 1) 🗓️

1月

2月

3月

- 入学式(1月期生)
- オリエンテーション(新入生)
- 警察安全講習(新入生)
- 健康診断(新入生)
- 防災講習
- 初詣
- 書初め体験
- 職業研究(1年次)
- 後期・期末試験
- スピーチ大会
- 卒業前説明会(2年次)
- 卒業式
- ★ 春休み(3月中旬~4月初旬) 🗓️

- Lễ nhập học (học sinh kỳ tháng 1)
- Hướng dẫn ban đầu (dành cho học sinh mới)
- Hướng dẫn an toàn từ cảnh sát (dành cho học sinh mới)
- Kiểm tra sức khỏe(dành cho học sinh mới)
- Buổi học hướng dẫn phòng chống thiên tai
- Đi lễ chùa đầu năm
- Luyện viết thư pháp
- Tìm hiểu các công việc (sau năm nhất)
- Thi học kỳ 2 và thi cuối kỳ
- Buổi thi thuyết trình
- Buổi hướng dẫn thuyết trình trước khi tốt nghiệp (năm thứ 2)
- Lễ tốt nghiệp
- ★ Nghỉ xuân (Giữa tháng 3 ~đầu tháng 4) 🗓️

授業時間

THỜI GIAN GIỜ HỌC

月曜日から金曜日まで

HỌC TỪ THỨ 2 ĐẾN THỨ 6



午前の部： 9 時 00 分 ~ 12 時 30 分

Buổi sáng: từ 9:00 đến 12:30



午後の部： 13 時 30 分 ~ 17 時 00 分

Buổi chiều: từ 13:30 đến 17:00

※2部の入替制となります(定期テストの結果によりクラス変更があります)

Có sự thay đổi giữa 2 buổi học

(thay đổi lớp học dựa vào kết quả thi kiểm tra định kỳ)



授業内容

NỘI DUNG GIỜ HỌC

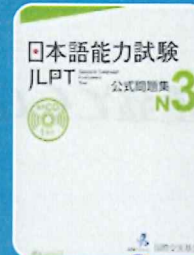


日本語初級～中級

Tiếng nhật sơ cấp ~ Trung cấp

自分の目標やそれに向けた計画を立て、希望の進路に向けて必要な準備をします

Lên kế hoạch để đạt được mục tiêu và chuẩn bị những điều cần thiết để học lên với lộ trình các bạn mong muốn.



JLPT対策 Luyện thi JLPT

N4～N1のレベル別に分かれ対策授業を行います

Tổ chức các buổi thi thử, làm các bài thi JLPT từ trình độ N4～N1



書く Viết

個人情報や願書など日本の生活・進学に必要な書くに特化した授業で項目の理解だけでなく構成も考えて書く練習をします

Giờ học này không chỉ dạy học sinh cách viết các thông tin của mình một cách thành thạo mà tập trung vào kỹ năng viết cần thiết trong cuộc sống và học tập tại Nhật Bản, chẳng hạn như thông tin cá nhân và đơn xin việc.



自立学習 Tự giác trong học tập

読む・聞く・話す・書くを中心に目標を達成し、社会とつながるための日本語の運用能力を高めていきます。

Để đạt được hiệu quả tốt nhất, ngoài việc tập trung vào kỹ năng đọc, nghe, nói và viết, đồng thời cải thiện nâng cao kỹ năng tiếng Nhật để kết nối, giao lưu với xã hội.



発表 Phát biểu

聴衆の前で自分の意見や経験を効果的に語ることを目標にスピーチの構成を考え、発表の練習をしていきます。

Với mục tiêu lập kế hoạch kỹ lưỡng cho bài phát biểu và luyện tập thuyết trình, truyền đạt một cách hiệu quả trọng tâm và ý kiến của mình trước đám đông.



コミュニケーション活動

Hoạt động giao tiếp

日本の文化を学び、仲間や社会とつながる力を育みます。

Ngoài việc học văn hóa của Nhật, các bạn học sinh được giáo dục hoàn thiện năng lực kết nối với bạn bè và xã hội.

まなぶ力・つながる力を育みながら、「話す」・「読む」・「聞く」・「書く」の運用能力を高め、社会で活躍できる人材を育成するカリキュラムです

Chương trình giảng dạy vừa giáo dục khả năng học tập, tự kết nối và nhằm mục đích phát triển nguồn nhân lực có thể làm việc đóng góp tích cực trong xã hội bằng cách cải thiện thành thạo các kỹ năng thực hành "nói", "đọc", "nghe" và "viết".

使用教材

GIÁO TRÌNH GIẢNG DẠY

できる日本語

漢字たまご



警察安全講習

BUỔI HỌC HƯỚNG DẪN AN TOÀN TỪ CẢNH SÁT



日本で生活をする際の注意事項等、警察の方をお呼びして直接指導頂いております。

Mời nhân viên cảnh sát đến trường trực tiếp chỉ đạo giảng dạy những điều cần chú ý trong cuộc sống sinh hoạt tại Nhật Bản...



防災講習

BUỔI HỌC LUYỆN TẬP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

火事や地震が起きたら・・・そんなときの為に避難訓練もしっかりおこないます。

Nếu như xảy ra động đất và hỏa hoạn thì sẽ làm như thế nào để đối ứng với những điều đó, trường tổ chức tiến hành nghiêm ngặt buổi tập luyện lánh nạn



健康診断

KHÁM SỨC KHỎE

胸部 X 線検査やインフルエンザ予防接種もおこないます

CHỤP X QUANG, TIÊM PHÒNG DỊCH CÚM....

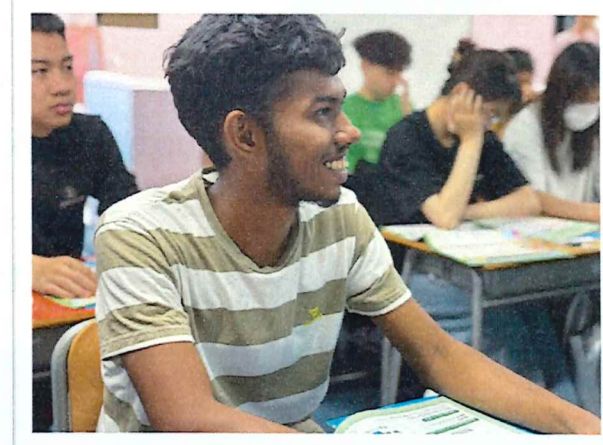


ゴミ分別講習

BUỔI HỌC PHÂN LOẠI RÁC

むずかしいゴミの分別も名古屋市の職員が分かりやすく教えてくれます。

Các nhân viên của thành phố Nagoya cũng sẽ tới trường chỉ dạy cách phân loại rác dễ hiểu nhất cho các bạn học sinh



校外学習

HOẠT ĐỘNG HỌC NGOÀI TRƯỜNG

学生の学習進度に合わせ、地域社会との交流を深めるイベントなどを用意しています。

Tổ chức những sự kiện giao lưu văn hóa xã hội trong khu vực phù hợp với tiến độ học tập của học sinh.



校外學習 (一例)

HOẠT ĐỘNG HỌC NGOÀI TRƯỜNG - MỘT SỐ VÍ DỤ

京都 金閣寺 CHÙA VÀNG KINKAKU



奈良 東大寺 TODAIJI NARA



岐阜 白川郷 SHIRAKAWA-GO



進路指導/相談

HƯỚNG DẪN HỌC LÊN/ THẢO LUẬN



職業研究

Nghe, tìm hiểu về công việc

自分の興味のある分野の職業について、給料や必要な日本語のレベル、資格、仕事の内容など、話を聞きます。

Các bạn sẽ được nghe về các công việc trong lĩnh vực này, mức lương, trình độ tiếng Nhật yêu cầu, bằng cấp, nội dung công việc, v.v.



個別面談

Thảo luận riêng từ cá nhân

自分の関心や将来の計画をもとに、どのような進路を選ぶか担任と相談します。

Dựa trên sở thích và kế hoạch tương lai, bạn sẽ thảo luận trực tiếp với giáo viên về con đường mình sẽ lựa chọn tiếp theo.



進学ガイダンス

Hướng dẫn học lên

様々な大学や専門学校に集まってもらい、自分の興味のある学校の説明を聞きに行きます。

Tập nhiều trường đại học và trường dạy nghề khác nhau, các bạn sẽ được giải thích về những ngôi trường mà các bạn quan tâm.



面接練習

Luyện tập phỏng vấn

面接の練習や小論文の練習など受験に必要な練習をします。

Các bạn sẽ được luyện tập các bài thực hành cần thiết cho kỳ thi, chẳng hạn như thực hành phỏng vấn và thực hành viết luận.



オープンキャンパス

Đi thăm trường học lên

実際に大学や専門学校に行き、校舎の見学や、体験授業を受けます。

Các bạn sẽ được đi thăm quan thực tế các trường đại học hoặc các trường dạy nghề và tham gia các buổi học thử để trải nghiệm



仕事

インタビュー
Phòng vấn công việc

日本で働く人の仕事観や大切にしていることをインタビューを通じて聞きます

Thông qua phỏng vấn, chúng ta sẽ được nghe về những điều quan trọng đối với những người mong muốn làm việc tại Nhật Bản.

「日本で自分らしく働く」という目標に向けて、どんな仕事があるのか、どんな進学先があるのか、自己理解と職業理解を深め、進学準備をしていきます。

Với mục tiêu "làm việc tại Nhật Bản theo cách phù hợp với bạn", sinh viên sẽ tìm hiểu về các công việc hiện có và các lựa chọn giáo dục nâng cao, hiểu sâu hơn về bản thân và nghề nghiệp, đồng thời chuẩn bị cho việc học lên.

主な進学先 CÁCH TRƯỜNG HỌC LÊN

(1)大学・短期大学 ĐẠI HỌC・CAO ĐẲNG

中部大学

愛知工科大学

星城大学

愛知文教大学

名古屋経済大学

名古屋経営短期大学

四日市大学（三重県）

中日本自動車短期大学（岐阜県）

高田短期大学（三重県）



主な進学先 CÁC TRƯỜNG HỌC LÊN

(2) 専門学校 Trường nghề

愛知県内

自動車



- トヨタ名古屋自動車大学校 ●TOYOTA TECHNICAL COLLEGE
- 名鉄自動車専門学校 ●Meitetsu Automotive-Technical School
- 日産愛知自動車大学校 ●NISSAN AUTOMOBILE TECHNICAL COLLEGE
- 名古屋未来工科専門学校 ●Nagoya Future Technical College

IT



- トライデントコンピュータ専門学校

●TRIDENT college

ビジネス



- あいちビジネス専門学校 ●Aichi Business College
- 名古屋経営会計専門学校 ●NAGOYA MANAGEMENT & ACCOUNTING COLLEGE
- H&A国際ビジネス専門学校 ●H&A International Business School

ホテル



- 大原トラベル・ホテル・ブライダル専門学校
- 国際観光専門学校 ●NAGOYA OHARA
- GAKUENINTERNATIONAL COLLEGE of TOURISM NAGOYA

介護



- 慈恵福祉保育専門学校 ●Jikei College of Humane Service

愛知県外

自動車



- 専門学校中央メカニック自動車大学校 (静岡県) ●Suzuki Gakuen Central Mechanic Automotive College
- 中部国際自動車大学校 (岐阜県) ●A-TEC Chubu International Automobile College
- 群馬自動車大学校 (群馬県) ●Gunma Automobile University School
- 日産栃木自動車大学校 (栃木県) ●NISSAN AUTOMOBILE TECHNICAL COLLEGE TOCHIGI
- 関東工業自動車大学校 (埼玉県) ●Kan'to Industrial Automobile College

IT



- 東京ITプログラミング会計専門学校 (東京)
- エール学園 (大阪府)

●Tokyo IT Programming & Accounting Specialist School
●EHLE INSTITUTE

ビジネス



- 中央美術学園 (東京) ●Central Academy of Fine Arts
- 四日市情報外語専門学校 (三重県) ●Yokkaichi College of Information & Languages
- アーツカレッジヨコハマ (神奈川県) ●Arts college YOKOHAMA

ホテル



- 穴吹学園 (香川県) ●Anabuki College
- 日本おもてなし専門学校 (群馬県) ●NIPPON OMOTENASHI College

介護



- 鈴鹿オフィスワーク医療福祉専門学校 (三重県)
- 大阪社会福祉専門学校 (大阪府)
- Suzuka Office Work Medical Welfare College
- Osaka College of Social Welfare



充実した生活サポート HỖ TRỢ TRONG CUỘC SỐNG SINH HOẠT



➤ 学生寮完備 (Wi-Fi無料) Có ký túc xá sinh viên(miễn phíWi-Fi)

入国初日から備品完備の寮に入寮できます

Từ những ngày đầu tiên khi nhập cảnh các bạn đã có thể vào ký túc xá được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết



➤ 自転車無料レンタル Cho mượn xe đạp miễn phí

日本に来たその日から学校を卒業するまで、無料で自転車をお貸しいたします

Các bạn được cho mượn xe đạp miễn phí từ những ngày đầu nhập cảnh cho tới khi tốt nghiệp



➤ 各種手続きサポート Hỗ trợ các thủ tục giấy tờ cần thiết

各種区役所での手続きや携帯の契約サポートなど

Hỗ trợ các thủ tục tại khu hành chính và hỗ trợ hợp đồng di động v.v..



➤ 銀行口座開設サポート Hỗ trợ mở tài khoản ngân hàng

生活費の精算や給料の受け取りなどに必要な口座の開設手続きのサポートをいたします

Chúng tôi sẽ hỗ trợ bạn trong các thủ tục mở tài khoản cần thiết để thanh toán chi phí sinh hoạt và nhận lương..



➤ アルバイト面接サポート Hỗ trợ phỏng vấn công việc làm thêm

アルバイトの面接に合格するため、応募方法、履歴書の書き方や面接の練習をサポートします

Hỗ trợ các bạn vượt qua các cuộc phỏng vấn xin việc làm thêm, bằng cách hướng dẫn bạn nộp đơn, viết sơ yếu lý lịch và thực hành phỏng vấn..



➤ 各種言語対応 Hỗ trợ các ngôn ngữ

英語、ベトナム語、シンハラ語、韓国語、中国語の対応ができるスタッフが常駐しています

Tiếng anh, Tiếng việt, Tiếng srilanka, Tiếng hàn, và tiếng Trung

学生寮について その1

Ký túc xá học sinh (phần 1)



- ・ 北区・東区・千種区 (学校まで2分~15分) Khu kita, higashi, chikusa (đến trường mất từ 2~15 phút)
- ・ 3つの部屋あり Có 3 phòng
- ・ 4人~で共同生活 Sinh hoạt chung từ 4 người~

入学から

6ヶ月間

Từ lúc nhập học
trong thời gian 6
tháng

- ・ 入学から6ヶ月間は入寮 (在日親族がいる方は要相談)

Từ khi nhập học trong thời gian 6 tháng sẽ ở ký túc xá
(những bạn có người thân gia đình sống tại nhật có thể bàn thảo).

 家賃 29,000円/1ヶ月 Tiền nhà 29,000 yên/ tháng


7ヶ月目

以降

Từ tháng thứ 7

- ・ 寮に残る or 引っ越し を 選べます

Có thể lựa chọn tiếp tục ở ký túc xá hoặc chuyển ra ngoài.

 家賃 25,000円/1ヶ月 tiền nhà sẽ là 25,000 yên

 家賃
DOWN!

卒業

Tốt nghiệp

- ・ 卒業まで寮に住むことができます

Có thể sống ở ký túc xá cho tới khi tốt nghiệp



◆ 水道・電気・ガス 別途必要

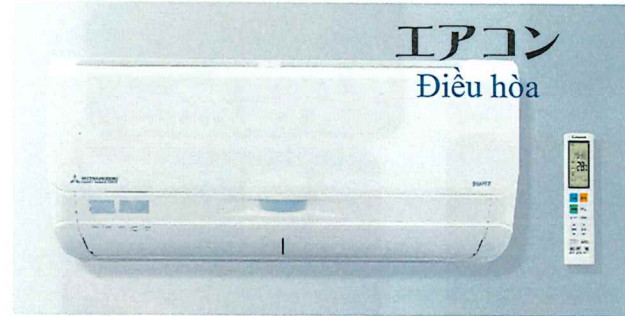
学生寮について その2

Ký túc xá học sinh (Phần 2)

備品完備 (Wi-Fi無料!) Có sẵn những trang thiết bị sau(Wi-Fi miễn phí!)



※学生寮の一例です



エアコン
Điều hòa



布団
Set chăn ga gối đệm

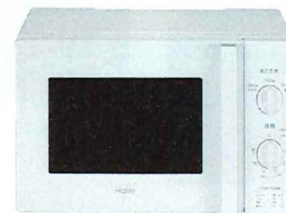


冷蔵庫
Tủ lạnh

自転車
Xe đạp



ガスコンロ
Bếp ga



電子レンジ
Lò vi sóng



炊飯器
Nồi cơm điện



洗濯機
Máy giặt

学校 & 学生寮周辺 ショッピングセンター

Những nơi mua sắm xung quanh trường học và ký túc xá



アルバイトについて

Công việc làm thêm

資格外活動許可をもらった留学生は、**1週間に28時間まで**（学校の長期休暇は**1日8時間まで**）アルバイトをすることができます。

Các bạn du học sinh được cấp phép tham gia các hoạt động làm thêm ngoài những hoạt động được phép theo tình trạng thị thực của mình. Các bạn có thể thêm thời gian tối đa 28 giờ mỗi tuần (tối đa 8 giờ mỗi ngày trong kỳ nghỉ dài).

当校では、**学業優先、成績・出席率優良で就労制限を守ることできる学生に限り**アルバイトを許可しております。

Ở trường chỉ cho phép những bạn học sinh ưu tiên việc học, có điểm số và chuyên cần tốt, và có thể tuân thủ các hạn chế về công việc được làm thêm.



Phân loại hàng hóa

仕分け作業



chế biến thực phẩm

食品製造



Bán hàng, thu ngân

接客



¥1,077 ~ ¥1,500
Lương Giờ

入学の流れ

Quy trình nhập học



①入学願書提出

Nộp các giấy tờ xin phép nhập học

期限内に必要な書類を提出してください。
Nộp các giấy tờ cần thiết trong thời gian quy định.



②書類審査・面接

Lựa chọn các giấy tờ・phỏng vấn

書類審査の後、面接審査をいたします。
Sau khi kiểm tra các giấy tờ, sẽ tiến hành phỏng vấn.



③入学許可証・納付金請求書発行

Phát hành giấy cho phép nhập học・ hóa đơn nộp học cho các bạn đỗ phỏng vấn

合格者に入学許可証・納付金請求書を発行いたします
Phát hành các giấy tờ cho phép nhập học・ hóa đơn nộp học cho các bạn đỗ phỏng vấn



④認定審査・交付・通知

Xem xét các giấy tờ・ra tư cách・ thông báo

名古屋出入国在留管理局にて最終審査が行われた後、当校に「在留資格認定証明書 (COE)」が発行されます。
Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh Nagoya sau khi tiến hành kiểm tra các giấy tờ cuối cùng của các bạn, sẽ phát hành cấp phát “COE” cho trường.



⑤学費納入

Nộp học phí

入学に必要な学費等を納入していただきます。
Các bạn sẽ nộp các khoản phí cần thiết để nhập học.



⑥認定証発送

Phát hành giấy chứng nhận

「在留資格認定証明書」を発送いたします。
Chúng tôi sẽ gửi cho bạn “giấy chứng nhận tư cách lưu trú” .



⑦ビザ取得

Nhận VISA

在外日本国大使館または領事館においてビザ取得申請を行います
Các bạn sẽ tiến hành xin Visa tại đại sứ quán hoặc lãnh sự quán .



⑧入学

Nhập học

ビザ発給&来日後、「日生日本語学園名古屋」に入学となります。
Sau khi nhận được visa và sau khi tới Nhật, các bạn sẽ nhập học tại trường Nagoya Nissei Japanese Language School.

出願資格

ĐIỀU KIỆN NỘP ĐƠN

- 1. 12年以上の学校教育又はそれに準ずる課程を修了している者**
Người đã hoàn tất chương trình phổ thông 12 năm và hoàn thành khóa học đủ tiêu chuẩn quy định.
- 2. 年齢が本学入学時に満18歳以上の者**
Khi nhập học tại trường các bạn đủ 18 tuổi.
- 3. 明確な留学目的、将来設計があり、大学、各種専修学校等への進学を目的とする者**
Có kế hoạch du học và kế hoạch tương lai rõ ràng, và có mục đích học lên các trường như đại học, trường nghề...
- 4. 日本語学習歴が150時間以上の者（日本語参照枠A1レベル相当）※ただし、10月&1月入学者に限りA2レベル相当**
Người học ít nhất trên 150 giờ nhật ngữ (trình độ tiếng nhật bằng tương đương A1 trở lên) và các ứng viên nhập học kỳ tháng 10, tháng 1 phải có trình độ tương đương cấp A2 trở lên
- 5. 信頼のおける保証人(経費支弁者)を有する者**
Có người bảo lãnh (người chi trả kinh phí) đáng tin cậy.
- 6. 心身ともに健康であり 留学を続けることが困難になり得る持病のない者**
Có sức khỏe tốt, không có những bệnh nguy hiểm liên quan đến quá trình tiếp tục du học.
- 7. 刺青(タトゥー)のない者**
Không có hình xăm (hình tẩy xóa).
- 8. 正当な手続きによって日本国への入国を許可され、又は許可される見込みのある者**
Người có những thủ tục phù hợp, được sự cho phép nhập cảnh vào Nhật.
- 9. 家族・親族を含めて過去に日本での不法滞在、犯罪等による処分者がいない者**
Người mà bản thân và gia đình không có tiền sử phạm tội, lưu trú bất hợp pháp tại Nhật.
- 10. 過去2年以内に技能実習生として来日していない者**
Người trong vòng 2 năm về trước không đến nhật với tư cách tu nghiệp sinh.

学生の声

Student Voices



ベトナム
Vietnam

CAN THI HUYEN



私は、日生日本語学園名古屋で2年間日本語を勉強しました。入国したばかりの頃、知らないことが多くて大変でしたが、先生たちや友人たちに優しく支えられました。その支えがあり、何不自由なく、勉強に励むことができ、無事目標であった大学に入学することが出来ました。日生日本語学園名古屋の2年間があったからこそだと感じます。大学受験の際に、日本語ではなく、理数系試験の対策でたくさん苦労しました。しかし先生は「人生は一回しかない。チャンスを逃さないで最後まで頑張りなさい」と助言くださったことが、大きな励みとなりました。日生日本語学園名古屋には本当にお世話になりました。これからは「日本語能力試験N1合格者」、そして日生日本語学園名古屋の卒業生としてのプライドを持って、日本で頑張って生きていきます。



スリランカ
Sri Lanka

MOHAMAD KAMALDEEN
MOHAMAD HIMSHAN



私は子供のころから自動車が好きでした。特に日本の自動車の性能はすばらしいと聞いていましたので、私は高校を卒業し、日生日本語学園名古屋へ留学しました。日生日本語学園名古屋での生活はとても幸せでした。日本語学習で分からないことがある度に、先生たちはいつも親切に教えてくださいました。勉強のことだけでなく、日本社会のことも教えてくれました。勉強のことも楽しくなりました。また、コロナ禍の大変な時期でも希望する進路に正しく導いてくれました。京都遠足はとても楽しかった思い出のひとつです。日生日本語学園名古屋で過ごした時間は忘れることのできない素晴らしい時間でした。



ネパール
Nepal

BISHNU PRASADPANDEY



私は幼い頃より、自動車に興味がありました。ネパールで様々な国の自動車事情について調査をし、日本が世界的に有名ということを知りました。そして日本留学を決め、日生日本語学園名古屋に入学しました。卒業後は自動車の専門学校に通い、現在は自動車の会社で働き、日生日本語学園名古屋で培った根本的な生活力、専門学校で学んだ知識や技術を活かしています。



フィリピン
Philippines

PERLAWAN DARWIN VON
TEJERO



私はずっと日本を訪れることを夢見ていましたが、日本語を学ぶために留学するとは思っていませんでした。そのため、日本語を学ぶ機会を与えてくださった日生日本語学園名古屋に感謝しています。学校のおかげで、世界中の様々な国の人々と出会い、友達になることができました。日本での素晴らしい経験は、すべて学校のおかげです。



ミャンマー
Myanmar

EI KHAING LIN MAUNG



私は日本語能力を伸ばしながら、将来は日本の会社に就職して日本で働くという夢を持って来日しました。最初は日本での生活になじむことができるかとても不安でしたが、学校で友達もたくさんでき、いつの間にか不安はなくなりました。それに先生たちは優しく、勉強だけではなく、日常生活も支えてくださいました。在学中に遠足で奈良へ行ったことや、進学のために先生と入試対策の面接練習をしたこと、私にとって大切な思い出です。2年生になり、勉強も難しく大変でしたが、いつも先生やクラスみんなが助けてくれました。そのおかげでビジネスの専門学校への進学も決まり、将来の夢へ一歩近づきました。私は、日生日本語学園名古屋で勉強できて本当に良かったと思います。感謝しています。

学生の声

Student Voices



ベトナム
Vietnam

CAN THI HUYEN

Tôi đã học tiếng Nhật trong hai năm tại Trường Nhật ngữ Nissei Nagoya. Khi tôi mới đến Nhật Bản, có nhiều điều tôi không biết và gặp rất nhiều khó khăn, nhưng tôi đã nhận được sự hỗ trợ từ giáo viên của trường và bạn bè xung quanh. Nhờ sự hỗ trợ đó, tôi đã có thể học tập mà không gặp quá nhiều khó khăn và đạt được mục tiêu vào đại học của mình. Tôi tin rằng tất cả là nhờ hai năm tôi đã học tại Trường Nhật ngữ Nissei Nagoya. Khi tôi tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học, tôi đã phải ôn tập rất nhiều không chỉ có tiếng nhật mà cả những môn tự nhiên và toán. Nhưng các thầy cô giáo ở trường đã nói với tôi rằng: "Tôi chỉ sống có một lần.. "Đừng bỏ lỡ cơ hội và hãy cố gắng hết sức cho đến cùng", đó là lời động viên to lớn đối với tôi. Tôi thực sự biết ơn vì mọi sự giúp đỡ mà tôi nhận được từ Trường Nhật ngữ Nissei Nagoya. Từ bây giờ, tôi sẽ cố gắng hết sức để sống tốt tại Nhật Bản, với niềm tự hào là "Người đỗ kỳ thi năng lực tiếng Nhật NI" và là sinh viên đã tốt nghiệp trường Nhật ngữ Nissei Nagoya.



スリランカ
Sri Lanka

MOHAMAD KAMALDEEN
MOHAMAD HIMSHAN

Từ khi còn nhỏ tôi đã yêu thích ô tô. Tôi được nghe nói rằng hiệu suất của ô tô Nhật Bản đặc biệt tuyệt vời nên sau khi tốt nghiệp cấp 3, tôi quyết định đi du học tại Trường Nhật ngữ Nissei Nagoya. Tôi rất vui khi được sống và học tập tại Trường Nhật ngữ Nisei Nagoya. Bất cứ khi nào tôi gặp vấn đề trong việc học tiếng Nhật, các giáo viên luôn tận tình giải thích cho tôi. Họ không chỉ dạy tôi về việc học mà còn về kiến thức xã hội Nhật Bản, điều này giúp cuộc sống của tôi dễ dàng hơn. Hơn nữa, ngay cả trong thời điểm khó khăn của đại dịch COVID-19, họ vẫn hướng dẫn tôi đi đúng hướng tới con đường học tập mà tôi mong muốn. Chuyến đi đã ngoại với trường ở Kyoto là một trong những kỷ niệm thú vị nhất của tôi. Khoảng thời gian tôi học tại Trường Nhật ngữ Nissei Nagoya thật tuyệt vời và đáng nhớ.



ネパール
Nepal

BISHNU PRASADPANDEY

Tôi đã quan tâm đến ô tô từ khi còn nhỏ. Khi ở Nepal, tôi đã tìm hiểu về ngành ô tô ở nhiều quốc gia khác nhau và biết rằng Nhật Bản là một nước nổi tiếng thế giới về ngành này. Sau đó, tôi quyết định đi du học ở Nhật Bản và đăng ký học tại Trường Nhật ngữ Nissei ở Nagoya. Sau khi tốt nghiệp, tôi đã theo học một trường dạy nghề về ô tô và hiện đang làm việc tại một công ty ô tô, áp dụng những kỹ năng sống cơ bản mà tôi đã học được tại Trường Nhật ngữ Nissei Nagoya, cũng như những kiến thức và kỹ năng tôi học được tại trường dạy nghề.



フィリピン
Philippines

PERLAWAN DARWIN VON
TEJERO

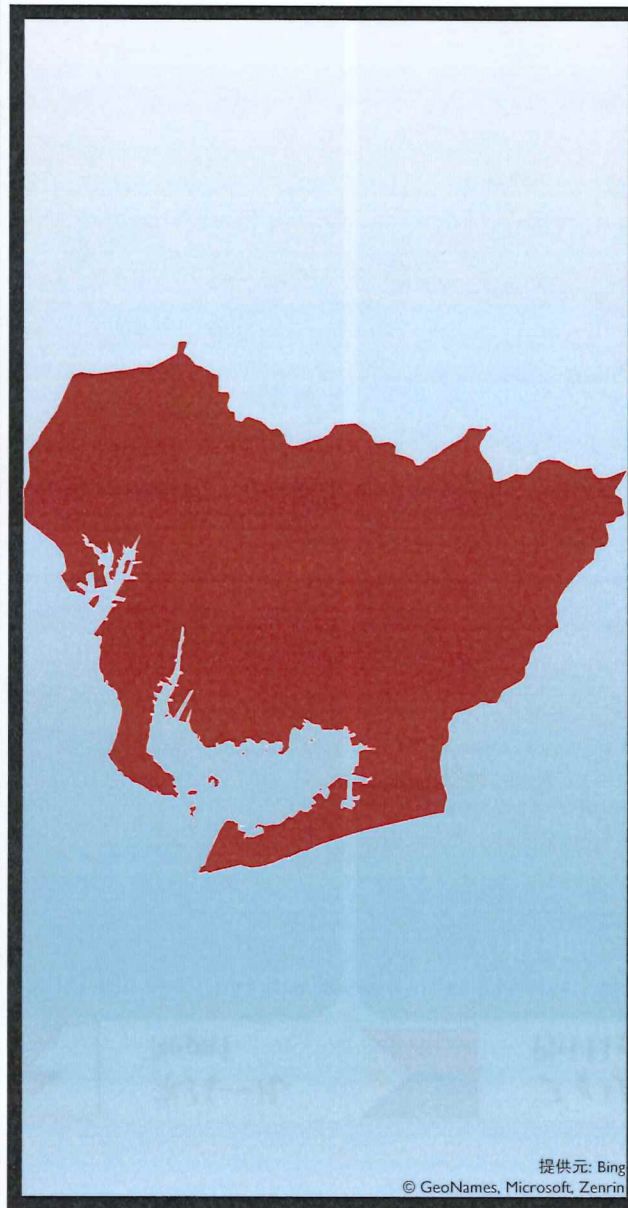
Tôi luôn mơ ước được đến thăm Nhật Bản, nhưng chưa bao giờ nghĩ mình sẽ đi du học để học tiếng Nhật. Vì vậy, tôi rất biết ơn Trường Nhật ngữ Nissei Nagoya đã cho tôi cơ hội học tiếng Nhật. Nhờ trường Nissei Nagoya, tôi có thể gặp gỡ và kết bạn với nhiều người từ khắp nơi trên thế giới. Tôi thật sự cảm ơn trường Nhật ngữ Nissei Nagoya đã cho tôi những trải nghiệm tuyệt vời của mình ở Nhật bản



ミャンマー
Myanmar

EI KHAING LIN MAUNG

Tôi đến Nhật Bản với ước mơ cải thiện khả năng tiếng Nhật và một ngày nào đó tìm được việc làm tại một công ty Nhật Bản và làm việc tại Nhật Bản. Lúc đầu, tôi rất lo lắng không biết mình có thể thích nghi với cuộc sống ở Nhật Bản hay không, nhưng khi học tại trường tôi đã kết bạn với rất nhiều người bạn cùng. chính vì vậy nỗi lo lắng của tôi đã dần biến mất. Ngoài ra, các giáo viên của trường rất nhiệt tình và tận tâm giúp đỡ tôi không chỉ trong việc học mà còn cả ngay trong cuộc sống hàng ngày. Một số kỷ niệm đẹp nhất của tôi : như chuyến đi dã ngoại cùng trường đến Nara khi tôi còn là học sinh và những buổi luyện tập cùng giáo viên để chuẩn bị cho buổi phỏng vấn học lên. Khi tôi bước vào năm thứ hai, việc học trở nên khó khăn và vất vả, nhưng các thầy cô và bạn học luôn giúp đỡ tôi. Nhờ đó, tôi đã có thể quyết định theo học lên một trường kinh doanh, điều này đã đưa tôi đến gần hơn một bước tới ước mơ tương lai của mình. Tôi thực sự vui mừng khi đã được học tại Trường Nhật ngữ Nissei Nagoya. Tôi xin cảm ơn trường và các thầy cô rất nhiều.



愛知県

Aichi

愛知県は**日本の中心**に位置する地域です

愛知県の県庁所在地は**名古屋**です

自動車産業で有名な都市であり日本で東京・大阪に次ぐ**3番目**に大きな都市です

Tỉnh Aichi nằm ở trung tâm Nhật Bản

Thủ phủ của tỉnh Aichi là thành phố Nagoya.

Đây là thành phố nổi tiếng với ngành công nghiệp ô tô và là thành phố lớn thứ 3 ở Nhật sau Tokyo và Osaka

日本の1か月の生活費

Phí sinh hoạt 1 tháng ở Nhật

外国人留学生の1か月の生活費の目安は以下の通りです。

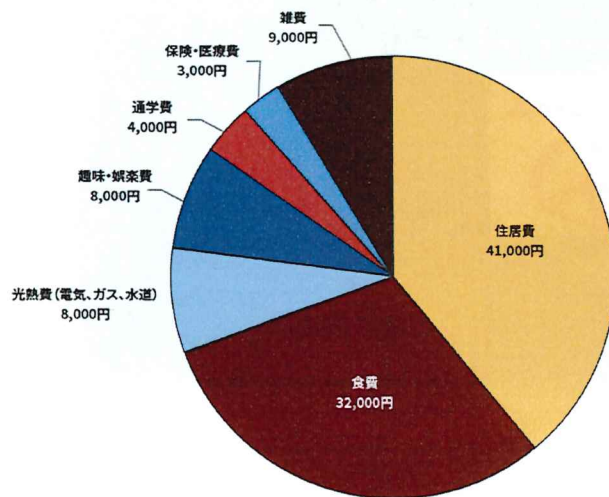
東京など大都市の生活費は、地方に比べて高いです。

住居費に関しては、全国平均の住居費が41,000円であるのに対し東京は57,000円です。また都市部では、学校の近くにアパート等を借りることが難しいため、通学費がかかる傾向にあります。

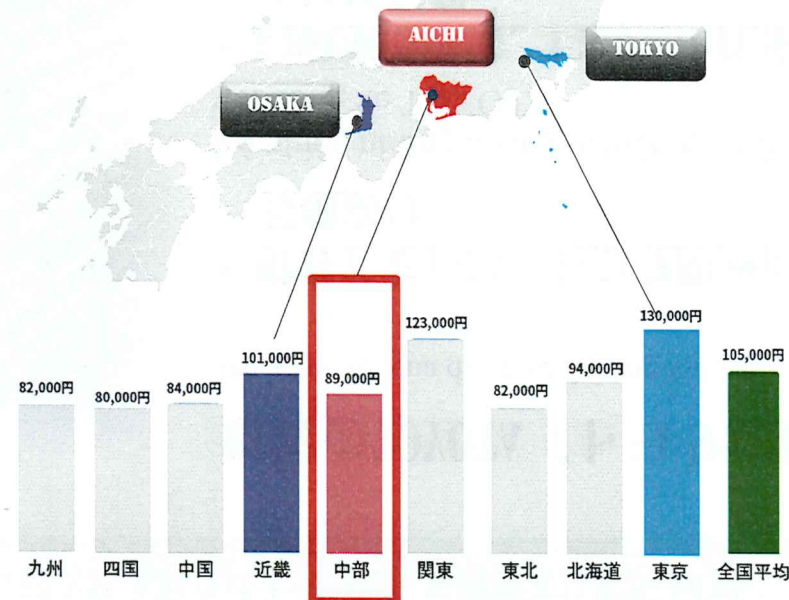
Chi phí sinh hoạt của du học sinh hàng tháng ước tính như bên dưới

Chi phí sinh hoạt của các thành phố lớn như Tokyo... So với vùng nông thôn sẽ cao hơn.

Về chi phí nhà ở, mức trung bình phí thuê nhà toàn quốc là 41,000 yên, trong khi Tokyo là 57,000 yên. Bên cạnh đó những nơi trung tâm, những căn nhà gần trường học rất khó để thuê, nên chi phí đi lại có xu hướng tăng cao



出典:「令和5年度私費外国人留学生生活実態調査」(JASSO)



参照:「日本留学情報サイト」(<https://www.studyinjapan.go.jp/>)

愛知県といえば？

TỈNH AICHI LÀ NƠI NHƯ THẾ NÀO?



世界のTOYOTA「トヨタ自動車本社」！

Trụ sở chính của dòng xe thương hiệu nổi tiếng thế giới TOYOTA

- 世界でも有名なトヨタ関連の企業が多数あり

Có nhiều những doanh nghiệp nổi tiếng trên thế giới liên kết với dòng xe TOYOTA

- 自動車の勉強、自動車の仕事がしたい人には有利

Những bạn muốn học, muốn làm việc về lĩnh vực ô tô thì đây là nơi rất phù hợp.



「自動車」の専門学校も多数！ Nhiều các trường dạy nghề Ô TÔ!



TOYOTA、NISSANが直接運営する 自動車専門学校もあります

TOYOTA, NISSAN trực tiếp vận hành doanh nghiệp mang thương hiệu của mình và cũng có cả trường dạy nghề về chuyên ngành Ô TÔ.



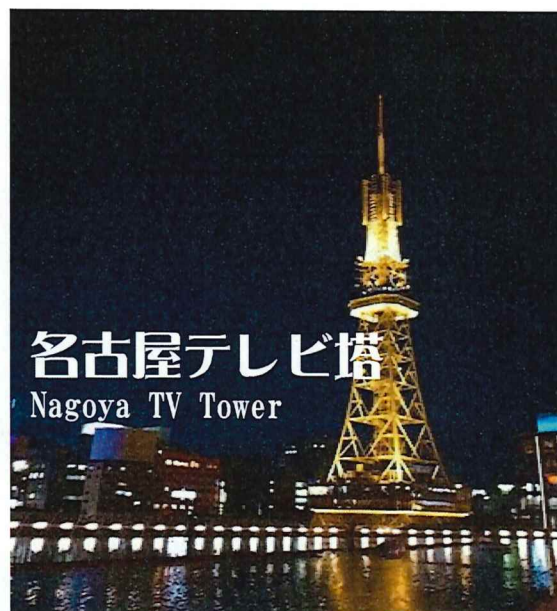
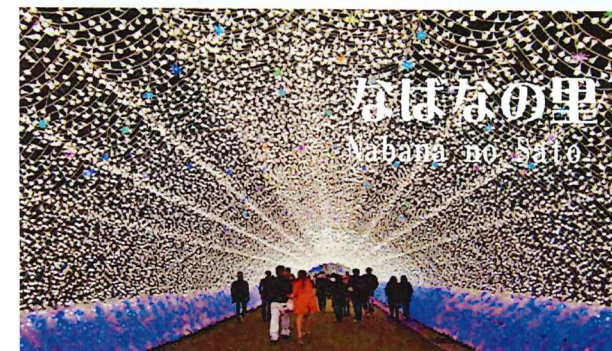
多彩な観光地 (東海3県)

Địa điểm tham quan phong phú, đa dạng (1 trong 3 thành phố lớn)



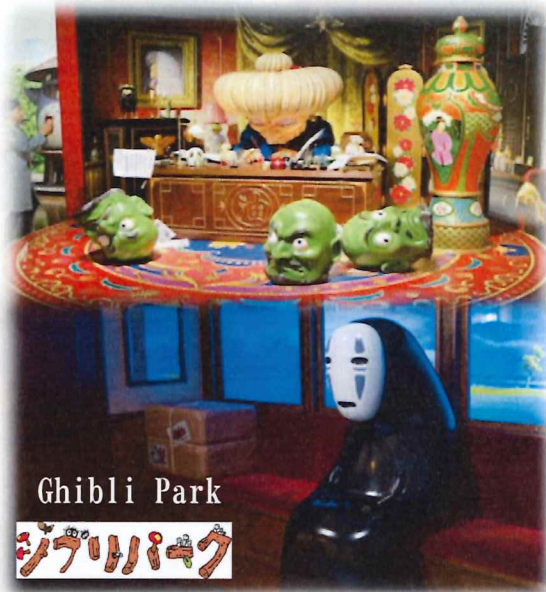
多彩な観光地（東海3県）

Địa điểm thăm quan phong phú, đa dạng (1 trong 3 thành phố lớn)



多彩な観光地 (東海3県)

Địa điểm thăm quan phong phú, đa dạng (1 trong 3 thành phố lớn)



SPRING



桜の季節です
穏やかな気候で過ごしやすいです

Là mùa hoa anh đào

Thời tiết ôn hòa và dễ chịu.

春

名古屋

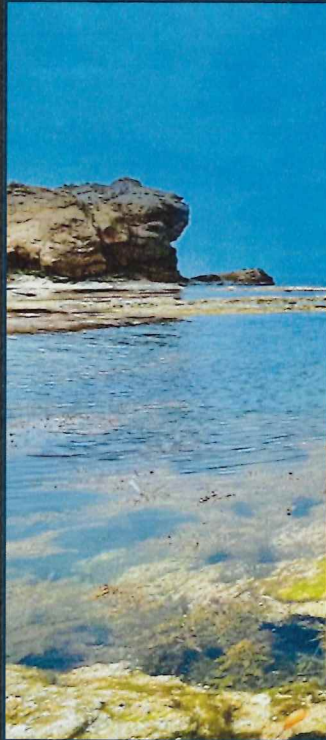
春 (3月~5月)

3月: 最高気温 約 10~14 °C、最低気温 約 2~ 6 °C

4月: 最高気温 約 15~18 °C、最低気温 約 6~ 9 °C

5月: 最高気温 約 20~25 °C、最低気温 約 12~16 °C

SUMMER



名古屋

夏は非常に暑く湿度も高いため、
熱中症に注意が必要です

Mùa hè rất nóng và độ ẩm sẽ cao, nên các
bạn hãy cẩn thận với tình trạng say nắng

夏

夏 (6月~8月)

6月: 最高気温 約 25~30 °C、最低気温 約 18~ 22 °C

7月: 最高気温 約 30~35 °C、最低気温 約 22~ 26 °C

8月: 最高気温 約 30~35 °C、最低気温 約 22~ 26 °C

AUTUMN



名古屋

徐々に暑さが和らぎます
紅葉の季節です

Cái nóng bức dần dịu đi
Và đó là mùa thu, mùa lá đỏ

秋

秋 (9月~11月)

9月: 最高気温 約 28~32 °C、最低気温 約 20~ 24 °C
10月: 最高気温 約 18~23 °C、最低気温 約 10~ 15 °C
11月: 最高気温 約 12~18 °C、最低気温 約 5~ 9 °C

WINTER



名古屋

冬は寒くなることが多く、
雪が降ることもありますが、
積もることは少ないです。

Mùa đông thường sẽ lạnh, có những ngày
tuyết sẽ rơi tuy nhiên có ít khi bị tích tụ tuyết
dày.

冬

冬 (12月~2月)

12月: 最高気温 約 8~12 °C、最低気温 約 0~ 4 °C

1月: 最高気温 約 5~ 8 °C、最低気温 約 -1~ 2 °C

2月: 最高気温 約 6~10 °C、最低気温 約 -1~ 3 °C

問い合わせ

Thông tin liên hệ



日生日本語学園名古屋
NISSEI JAPANESE LANGUAGE SCHOOL NAGOYA

日生日本語学園名古屋

Nagoya Nissei Japanese Language School

〒461-0032

愛知県名古屋市東区出来町三丁目19番地1

3-19-1, Dekimachi, Higashiku, Nagoya, Aichi, Japan

TEL : +81 52-721-5577

FAX : +81 52-721-5588

✉ E.mail : nagoyakou@nissei-nagoya.biz

Skype (mail) : nagoyakou@nissei-nagoya.biz

🌐 URL : <https://nissei-nagoya.jp/>



HP



Facebook